

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-06-2017

V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Kim – Cán bộ hưu trí

Ông Nguyễn Ngọc Vân – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Thế Lượng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/06/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : 47/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/03/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/05/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 17A/QĐST – HNGĐ ngày 23/5/2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Đình T - Sinh năm 1976 (Có mặt)

TQ: Thôn 6, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H- Sinh năm 1977 (Vắng mặt)

TQ: Thôn 6, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Vũ Đình T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị H có thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 1995, tuy nhiên hiện nay anh không còn giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, hai vợ chồng về chung sống với nhau ngay, ở chung với gia đình anh 4 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc từ khi lấy

nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ bất chính với người khác, không quan tâm lo lắng gì cho gia đình, chồng con. Sau khi anh phát hiện chị H ngoại tình gia đình 2 bên cũng đã họp bàn, khuyên bảo chị H nhưng chị H không thay đổi. Chị H không muốn ly hôn nhưng muốn ly thân. Hiện nay cả anh và chị H đều sống chung một nhà nhưng không nói chuyện, quan tâm và quan hệ với nhau, chính thức ly thân từ năm 2015 tới nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là: Vũ Đình N sinh ngày 26/9/1996 và Vũ Thị T, sinh ngày 11/11/1998. Hiện nay cả 2 con chung đã trưởng thành, ở với ai là tùy các cháu nên anh T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Chị Nguyễn Thị H có lời khai trong hồ sơ trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Vũ Đình T chung sống với nhau từ năm 1995 tới nay tại xã V, huyện V. Chị và anh T có được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương theo nghi lễ truyền thống chứ không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị về làm dâu gia đình anh T ngay và sống chung cùng bố mẹ anh T khoảng 1 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Chị xác định cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nghe lời xui khiến của anh em trong gia đình, cho rằng chị có quan hệ bất chính với người khác. Chị đã giải thích nhiều lần nhưng anh T không nghe, không tin chị. Chị xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho tới nay, không ai quan tâm tới ai, việc của ai người đó làm chứ vợ chồng không tâm sự, trò chuyện dù chung sống một nhà. Hai bên gia đình có hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh T làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý vì chị xác định sống vì các con và giữ danh dự cho gia đình.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Cháu Vũ Đình N sinh ngày 26/9/1996 và cháu Vũ Thị T sinh ngày 11/11/1998 đều đã trưởng thành, ở với ai là tùy các cháu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Về con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị có trong hồ sơ. Anh T không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi

thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn chậm 3 ngày.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị H.

Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc anh Vũ Đình T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Anh T trình bày anh và chị H kết hôn với nhau năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V tuy nhiên hiện nay anh không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn còn chị H khai chị và anh T không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh T và chị H có chung sống với nhau như vợ chồng còn anh T, chị H có đăng ký kết hôn hay không thì địa phương không nắm được. Toàn bộ giấy tờ, sổ sách từ năm 1998 trở về trước địa phương hiện nay không lưu giữ được. Vì vậy không có căn cứ để xác định anh T và chị H có đăng ký kết hôn hay không. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H không thỏa mãn về việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bản thân anh T và chị H đều xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho tới nay. Tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai, không chuyện trò, hỏi han nhau cũng không quan hệ tình cảm với nhau. Chị H không đồng ý ly hôn vì muốn giữ danh dự cho gia đình, con cái chứ chị cũng không còn tình cảm với anh T. Điều đó có thể thấy mâu thuẫn giữa anh T, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H là có căn cứ. Tuy nhiên vì anh T chị H không có căn cứ thể hiện việc anh chị đã kết hôn do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T chị H không phải là quan hệ vợ chồng theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị H đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Vũ Đình N sinh ngày 26/9/1996 và Vũ Thị T sinh ngày 11/11/1998. Hiện nay, cháu N và cháu T đã trưởng thành nên anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, anh T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 53 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Đình T và chị Nguyễn Thị H.

Án phí: Anh Vũ Đình T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền dự phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai AA/2012/04443 ngày 08/03/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Anh T đã nộp đủ án phí DSST.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt biết kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lương Thị Thanh Quyên